天主教
聖母醫護管理專科學校
St. Mary's Junior College of Medicine, Nursing and Management

聖母醫護管理專科學校

TRƯỜNG CAO ĐẲNG QUẢN LÝ Y TẾ THÁNH MẪU

錄取名單公告

CÔNG BỐ DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

114 學年度聖母醫護管理專科學校 護理科國際學生產學合作專班[春季班] 錄取名單公告

Trường cao đẳng quản lý y tế Thánh Mẫu công bố danh sách học sinh trúng tuyển hệ chuyên ban khoa Hộ Lý kỳ mùa xuân 02/2026 .

注意：

Lưu ý:

1. 已錄取的學生須儘速向學校補交所有缺少的文件。學校僅會向已按要求提交完整文件的學生寄送入學通知書。

   Những sinh viên đã được trúng tuyển cần nhanh chóng nộp bổ sung tất cả các giấy tờ còn thiếu cho nhà trường. Nhà trường chỉ gửi thư báo nhập học cho những sinh viên đã nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định.
2. 學生須自行檢查錄取名單中的各項資料是否正確，如有更改，應立即聯繫學校申請修改。修改的截止日期為 2025 年 12 月 12 日，逾期未修改者，學校將以名單中的資料製作入學通知書。

   Sinh viên trong danh sách trúng tuyển cần tự kiểm tra các thông tin để đảm bảo chính xác. Nếu có thay đổi, cần nhanh chóng liên hệ với nhà trường để xin điều chỉnh.
   Hạn chót điều chỉnh là ngày 12/12/2025.Sau thời hạn này, nhà trường sẽ sử dụng thông tin trong danh sách để cấp giấy mời nhập học.

天主教
聖母醫護管理專科學校
St. Mary's Junior College of Medicine, Nursing and Management

護理科國際學生產學合作專班 學生錄取名單

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CHUYÊN BAN KHOA HỘ LÝ

序號 STT	中文姓名 Họ tên tiếng trung	英文姓名 Họ tên tiếng anh	性別 Giới tính	國籍 Quốc tịch	出生日期 Ngày tháng năm sinh	錄取結果 Kết quả trúng tuyển
1	陳*绒	TRAN THI NHUNG	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/04/27	正取 Chính thức
2	阮*財	NGUYEN DUC TAI	男 Nam	越南 Việt Nam	2007/12/22	正取 Chính thức
3	阮*玲	NGUYEN PHUONG LINH	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/02/16	正取 Chính thức
4	朱*憫	CHU THI MEN	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/11/30	正取 Chính thức
5	阮氏*桃	NGUYEN THI HONG DAO	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/09/28	正取 Chính thức
6	武*林	VO TUNG LAM	男 Nam	越南 Việt Nam	2006/09/03	正取 Chính thức
7	阮*河	NGUYEN THANH HA	女 Nữ	越南 Việt Nam	2006/03/07	正取 Chính thức
8	黎氏*珍	LE THI BICH TRAM	女 Nữ	越南 Việt Nam	2004/06/18	正取 Chính thức
9	阮氏*鶯	NGUYEN THI HONG OANH	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/04/03	正取 Chính thức
10	武氏*玄	VO THI NGOC HUYEN	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/04/05	正取 Chính thức
11	武氏*商	VO THI HOAI THUONG	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/07/16	正取 Chính thức
12	阮*河	NGUYEN THI HA	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/07/28	正取 Chính thức
13	阮*達	NGUYEN THANH DAT	男 Nam	越南 Việt Nam	2001/03/10	正取 Chính thức
14	黃*安	HOANG THUY AN	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/08/25	正取 Chính thức
15	范氏*香	PHAM THI THANH HUONG	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/03/16	正取 Chính thức
16	阮*雪	NGUYEN THANH TUYET	女 Nữ	越南 Việt Nam	2005/12/06	正取 Chính thức
17	裴*勝	BUI XUAN THANG	男 Nam	越南 Việt Nam	2004/01/26	正取 Chính thức
18	何*進	HA TRAN TIEN	男 Nam	越南 Việt Nam	2005/07/23	正取 Chính thức
19	武氏*英	VU THI QUYNH ANH	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/10/13	正取 Chính thức
20	範*香	PHAM THANH HUONG	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/03/30	正取 Chính thức
21	宋*慶	TONG DUY KHANH	男 Nam	越南 Việt Nam	2007/12/31	正取 Chính thức

22	黎*山	LE VAN SON	男 Nam	越南 Việt Nam	2004/04/01	正取 Chính thức
23	姜*福	GIANG A PHU	男 Nam	越南 Việt Nam	2006/02/03	正取 Chính thức
24	陳*龍	TRAN HUY LONG	男 Nam	越南 Việt Nam	2006/11/17	正取 Chính thức
25	朱*行	CHU THI HANH	女 Nữ	越南 Việt Nam	2002/09/09	正取 Chính thức
26	寧*賢	NINH THI HIEN	女 Nữ	越南 Việt Nam	2001/11/12	正取 Chính thức
27	丁氏*欣	DINH THI NGOC HAN	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/06/21	正取 Chính thức
28	江氏*芝	GIANG THI LINH CHI	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/06/15	正取 Chính thức
29	武氏*芳	VO THI BICH PHUONG	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/06/15	正取 Chính thức
30	洪*康	HONG TUAN KHANG	男 Nam	越南 Việt Nam	2002/10/24	正取 Chính thức
31	樓*煌	LAU A HOANG	男 Nam	越南 Việt Nam	2002/08/20	正取 Chính thức
32	胡武*科	HO VU ANH KHOA	男 Nam	越南 Việt Nam	2007/12/21	正取 Chính thức
33	阮*哲	NGUYEN MINH TRIET	男 Nam	越南 Việt Nam	2007/05/07	正取 Chính thức
34	韋*戰	VI VAN CHIEN	男 Nam	越南 Việt Nam	2002/02/15	正取 Chính thức
35	阮*玄	NGUYEN THANH HUYEN	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/12/03	正取 Chính thức
36	武克*保	VO KHAC GIA BAO	男 Nam	越南 Việt Nam	2007/08/17	正取 Chính thức
37	阮*黃	NGUYEN HUY HOANG	男 Nam	越南 Việt Nam	2007/12/20	正取 Chính thức
38	寧*娟	NINH HONG KHUYEN	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/08/31	正取 Chính thức
39	阮氏*春	NGUYEN THI MAI XUAN	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/02/08	正取 Chính thức
40	阮德*維	NGUYEN DAC KHANH DUY	男 Nam	越南 Việt Nam	2007/01/10	正取 Chính thức
41	阮氏*瓊	NGUYEN THI XUAN QUYNH	女 Nữ	越南 Việt Nam	2005/04/18	備取(1) Dự bị 1
42	武*莊	VU MAI TRANG	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/11/27	備取(2) Dự bị 2
43	鄭*媚	TRINH TRA MY	女 Nữ	越南 Việt Nam	2006/03/12	備取(3) Dự bị 3
44	何氏*貞	HA THI KIEU TRINH	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/05/18	備取(4) Dự bị 4
45	盧氏*茶	LO THI THANH TRA	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/05/20	備取(5) Dự bị 5
46	阮*兒	NGUYEN DUNG NHI	女 Nữ	越南 Việt Nam	2006/05/22	備取(6) Dự bị 6

47	吳*賞	NGO VAN THUONG	男 Nam	越南 Việt Nam	2003/03/10	備取(7) Dự bị 7
48	阮陳*洪	NGUYEN TRAN CAM HONG	女 Nữ	越南 Việt Nam	2000/08/12	備取(8) Dự bị 8
49	武阮*月	VU NGUYEN THU NGUYET	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/12/19	備取(9) Dự bị 9
50	鄧荷*碧	DANG HA NGOC BICH	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/06/22	備取(10) Dự bị 10
51	苏*莊	TO THI TRANG	女 Nữ	越南 Việt Nam	2005/05/22	備取(11) Dự bị 11
52	陳*令	TRAN THI LANH	女 Nữ	越南 Việt Nam	2006/08/03	備取(12) Dự bị 12
53	朱*計	CHU VAN CAY	男 Nam	越南 Việt Nam	2006/02/01	備取(13) Dự bị 13
54	潘公*俊	PHAN CONG ANH TUAN	男 Nam	越南 Việt Nam	2007/09/05	備取(14) Dự bị 14
55	武*長	VU XUAN TRUONG	男 Nam	越南 Việt Nam	2007/03/18	備取(15) Dự bị 15
56	范*寶	PHAM GIA BAO	男 Nam	越南 Việt Nam	2005/12/03	備取(16) Dự bị 16
57	曾*潤	TANG MY NHUAN	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/03/29	備取(17) Dự bị 17
58	范*陽	PHAM TUNG DUONG	男 Nam	越南 Việt Nam	2007/08/19	備取(18) Dự bị 18
59	黃*竹	HOANG THANH TRUC	女 Nữ	越南 Việt Nam	2007/12/20	備取(19) Dự bị 19
60	張*山	TRUONG TRUONG SON	男 Nam	越南 Việt Nam	1996/02/20	備取(20) Dự bị 20